TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 156/2024/HNGĐ-ST Ngày: 17-9-2024 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; HKTT: Tổ E, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ tạm trú: Số G, đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Dương Lê Chí D, sinh năm 1984; HKTT: Tổ D, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ tạm trú: Số G, đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 12/07/2024, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T và ông D chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 08/12/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với ông Dương Lê Chí D.

Quá trình chung sống bà T và ông D có 01 con chung tên Dương Thiên K, sinh ngày 15/12/2018. Sau khi ly hôn, bà T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu khác.

** Đối với bị đơn ông Dương Lê Chí D:* Quá trình giải quyết vụ án ông D có Bản tự khai ngày 26/7/2024, trình bày: Ông D mong muốn có thêm thời gian để vợ chồng hoà thuận lo cho con cái, ông D còn thương gia đình không muốn ly hôn ảnh hưởng đến con cái. Trường hợp không thể nào khác thì ông D đồng ý ly hôn, con ai nuôi cũng được. Tài sản chung tự thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì sẽ đề nghị Toà án giải quyết sau.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ để yêu cầu ông D, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/8/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 27/8/2024 và ngày 17/9/2024 nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ vào thông báo về kết quả giải quyết hủy bỏ đăng ký cư trú ngày 04/8/2022 của ông Dương Lê Chí D và bản tự khai ngày 26/7/2024 ông D cung cấp địa chỉ cư trú là: Số G, đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

** Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông D do Tòa án tiến hành ngày 05/8/2024, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Quá trình bà Nguyễn Thị T và ông Dương Lê Chí D sinh sống tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông D là gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thi T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T1 khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Dương Lê Chí D, sinh năm 1984 có địa chỉ cư trú tại số G, đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Dương Lê Chí D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 27/8/2024 và ngày 17/9/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 08/12/2017. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với ông Dương Lê Chí D.

Tại Bản tự khai ngày 26/7/2024, ông D trình bày: Ông D mong muốn có thêm thời gian để vợ chồng hoà thuận lo cho con cái, ông D còn thương gia đình không muốn ly hôn ảnh hưởng đến con cái. Trường hợp không thể nào khác thì ông D đồng ý ly hôn, con ai nuôi cũng được. Tài sản chung tự thoả thuận, nếu không thoả thuận được thì sẽ đề nghị Toà án giải quyết sau.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt theo triệu tập của Tòa án không có lý do.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Từ việc nguyên đơn có

đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn không tham gia hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân đã thể hiện bà T và ông D không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với nhau; hai bên cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông D có 01 con chung tên Dương Thiên K, sinh ngày 15/12/2018. Sau khi ly hôn, bà T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Tại bản tự khai ngày 26/7/2024 ông D trình bày ý kiến về việc giao cháu K cho ai nuôi dưỡng cũng được. Đồng thời, cháu Dương Thiên K là nữ giới, hiện chưa đủ 07 tuổi nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Dương Lê Chí D về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Dương Lê Chí D (Giấy chứng nhận kết hôn số 100 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2017).

1.2. Về con chung: Ông Dương Lê Chí D giao con chung tên Dương Thiên K, sinh ngày 15/12/2018 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Dương Lê Chí D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T và ông Dương Lê Chí D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001245 ngày 19 tháng 07 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam